

Đvt: Triệu đồng

[illegible]

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		Thực hiện thu 6 tháng đầu năm 2026		Tỷ lệ % thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 so với dự toán năm 2026		Dự kiến thực hiện thu năm 2026		Tỷ lệ % dự kiến thu năm 2026 so với thực hiện năm 2025		Tỷ lệ % dự kiến thu năm 2026 so với dự toán năm 2026	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí														
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.992,18	1.416,36	6.160,00	6.060,00	3.119,48	3.119,29	50,64	51,47	5.310,38	5.310,19	88,62	374,92	86,21	87,63
	- Thuế giá trị gia tăng	3.219,60	243,08	5.150,00	5.150,00	2.700,65	2.700,65	52,44	52,44	4.500,00	4.500,00	139,77	1.851,26	87,38	87,38
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	425,23		810,00	810,00	418,46	418,46	51,66	51,66	810,00	810,00	190,48		100,00	100,00
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2,04	0,63							-	-	-	-		
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước	-													
	- Thuế tài nguyên	2.345,30	1.172,65	200,00	100,00	0,38	0,19	0,19	0,19	0,38	0,19			0,19	0,19
5	Lệ phí trước bạ	2.941,32	369,55	5.200,00	5.200,00	2.432,61	2.432,61	46,78	46,78	5.200,00	5.200,00	176,79	1.407,13	100,00	100,00
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp														
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	198,04	198,04	180,00	180,00	46,51	46,51	25,84	25,84	180,00	180,00	90,89	90,89	100,00	100,00
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.585,86		1.050,00	1.050,00	970,86	970,86	92,46	92,46	1.050,00	1.050,00	66,21		100,00	100,00
9	Thuế bảo vệ môi trường														
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu														
10	Phí, lệ phí	734,19	174,15	700,00	700,00	139,93	85,74	19,99	12,25	200,00	100,00	27,24	57,42	28,57	14,29
11	Tiền sử dụng đất	7.207,18	-	6.000,00	5.100,00	2.221,16	1.887,99	37,02	37,02	3.000,00	850,00	41,63		50,00	16,67
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý														
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý									-	-				
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	383,83		250,00	213,00	91,13	77,46	36,45	36,37	250,00	213,00	65,13		100,00	100,00
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển														
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương														
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương														
14	Thu từ bán tài sản nhà nước														
	Trong đó: - Do trung ương quản lý														
	- Do địa phương quản lý														
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước														
	Trong đó: - Do trung ương xử lý														
	- Do địa phương xử lý														
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	12,00													
17	Thu khác ngân sách	1.944,03	1.770,91	150,00	120,00	1.086,69	6,90	724,46	5,75	1.090,00	50,00	56,07	2,82	726,67	41,67
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương			30,00											
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1,20	0,36			4,47	4,47			4,47	4,47	371,56	1.238,19		
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	285,00	285,00	310,00	310,00	1,89	1,89	0,61	0,61	310,00	310,00	108,77	108,77	100,00	100,00
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)														
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)														
II	THU TỪ ĐẦU THỎ														

[illegible]

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LONG PHỤNG**

Đvt: Triệu đồng

[illegible]

